Ví dụ về ghi các mục　　　　 　　**Phiếu Người Sơ tán (mặt trước)**　　　　　　　　　【Mẫu - 7】

避難者カード（記入例）【ベトナム語】

**Ngày điền**　　　Ngày xx tháng xx năm xxxx Điền vào mẫu cho từng hộ gia đình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngày Giờ** | Ngày xx tháng xx năm xxxx , khoảng xx giờ | Nhóm - Nocư trúNhóm 1 - 1 đến 6 |
| **Địa điểm Sơ tán** | 　Trung tâm Sơ tán / Nhà / Khác / (Nhà họ hàng )※Nếu di tản bằng xe, hãy cho biết vị trí đậu xe. |
| **Hội Tự trị** | 　Hội tự trị khu xxx※Nếu gia đình chưa là thành viên viết là "chưa tham gia". |
| **Khoanh tròn nếu ở TT Sơ tán** | **Họ Tên**(cùng với chữ Katakana) | **Tuổi** | **Giới tính** | **Quan hệ** | **Ghi chú \*Viết con số và những điều lưu ý cho những người cần xem xét đặc biệt.** |
| ○ | (Người đại diện)チバ　イチロウChiba Ichiro | xx tuổi | Nam・Nữ・Khác | Trưởng hộ gia đình  |  |
| ○ | チバ　ハルコChiba Haruko | 　　 　xx tuổi | Nam・Nữ・Khác | Vợ | 1 |
|  | チバ　ジロウChiba Jiro | 　　 　 xx tuổi | Nam・Nữ・Khác | Trưởng nam |  |
| ○ | チバ　ナツコChiba Natsuko | 　　　 　xx tuổi | Nam・Nữ・Khác | Trưởng nữ | 6 Dị ứng (lúa mì) |
| ○ | チバ　ハナコChiba Hanako | 　　　 　xx tuổi | Nam・Nữ・Khác | Mẹ | 4 |
| **Địa chỉ** | 〒000 - 0000Chiba-shi xx-ku xx-cho xx chome xx ban xx go |
| **Số điện thoại Người đại diện** | ○○○　（　○○○○　）　○○○○ |
| **Thú cưng** | Có　　・　　Không　　　※ Nếu “Có”; ghi thẻ đăng ký con vật nuôi.  |
| **Người cần xem xét****\*Viết con số vào cột ghi chú** | 1 Phụ nữ có thai　　　2 Trẻ sơ sinh　　　3 Người khuyết tật （　　　　　　　　　　）4 Người cần chăm sóc　　　5 Người dùng thiết bị y tế（　　　　　　　　　　）6 Dị ứng（　　　　　　　　　　）　　　7 Người nước ngoài（Quốc tịch　　　　　　　　　　）8 Khác（　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　） |

※Những người cần được xem xét đặc biệt trong cuộc sống sơ tán như phụ nữ có thai, trẻ sơ sinh và người khuyết tật v.v.

**Phiếu Người Sơ tán (mặt sau)**　　　　　　　　　　　　　　　　【Mẫu - 7】

**Về những mục ở mặt sau bạn có thể viết sau khi tình hình đã ổn định.**

|  |
| --- |
| Công bố thông tin để xác nhận người sơ tán an toàn (khoanh tròn " muốn" hoặc "không muốn".) |
| Bạn có muốn thông tin người sơ tán được công bố trên trang web hoặc qua phương tiện truyền thông không? | Muốn ・ Không muốn |
| Bạn có muốn chúng tôi cung cấp thông tin người sơ tán đáp ứng yêu cầu từ người gia đình, ở cùng nhà và người quen của bạn về sự an toàn của người sơ tán không? | Muốn ・ Không muốn |
| **Thiệt hại nhà ở****※Khoanh tròn các mục áp dụng cho tình huống của bạn** | Có　　・　Không　　※Nếu “Có”, mô tả chi tiết tình hình hư hỏng của ngôi nhà. |
| ※Ví dụ về miêu tả tình huống・Nhà ở đã sập; không có thể sống ở đó được.・Có thể trở về nhà lại nếu dọn dẹp sắp xếp lại phòng. |
| Cúp điện　　　　Cúp nước　　　　Cúp gas　　　　Sập đường dây điện thoạiKhác（　　　　　　　　　　　　　　） |
| **Thông tin nạn nhân** |
| Viết tên và tình trạng cụ thể chấn thương hoặc bệnh tật.Ichiro: Bị gãy chân trái khi đi sơ tán. |
| **Nơi điều trị****(Nơi chuyển đến)** | Bênh viện xxxxx |
| **Thông tin nơi điều trị****(Địa chỉ)** | Chiba-shi xx-ku xx-cho xx banchi |
| **Các ghi chú đặc biệt khác (Nếu ai có đủ tư cách và có thể hợp tác, viết tên và nội dung hợp tác.)**　Natsuko: Y tá |

＜**Khung để Uỷ ban quản lý trung tâm sơ tán ghi vào**＞

|  |
| --- |
|  |
| **Rời trung tâm** | Năm xxxx tháng xx ngày xx |
| **Nơi cư trú** | XX Chung cư ở tạm thời | **ĐT** | ○○○（○○○○）○○○○ |